

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SÓC TRĂNG
Bản án số: 02/2024/KDTM-PT
Ngày 22/4/2024
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán
hàng hóa

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Vĩnh Khương.

Các Thẩm phán: Bà Trương Tố Hương.

Ông Nguyễn Văn Toàn.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Phan Mai Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:**
Bà Tăng Thị Thúy Hằng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 22/12/2023, ngày 17/4/2024, 22/4/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 09/2023/TLPT-KDTM ngày 09/11/2023, về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 02/2023/KDTM-ST ngày 22/9/2023 của Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 07/2023/QĐ-PT ngày 20/11/2023, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Công ty TNHH H; địa chỉ: Số A, đường N, khóm C, Phường A, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH H: Ông Dương Phấn K. Địa chỉ: số G, đường V, khóm C, Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (theo văn bản ủy quyền ngày 27/10/2023). (có mặt)

- **Bị đơn:** Ông Châu Minh V; địa chỉ: Ấp A, xã T, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

- **Người làm chứng:** Ông Nguyễn Quang V1; địa chỉ: Số B, đường N, khóm C, Phường A, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

- **Người kháng cáo:** Ông Châu Minh V, là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ, vụ án được tóm tắt như sau:

- Theo đơn khởi kiện và trình bày của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án:

Từ năm 2007 đến năm 2015, Công ty TNHH H và ông Châu Minh V có mua bán vật tư nông nghiệp. Hai bên thỏa thuận số tiền ông V còn nợ Công ty phải chịu lãi suất 1,5%/tháng. Đến năm 2015, hai bên ngưng giao dịch, đối chiếu công nợ đến ngày 02/8/2015 là 3.009.817.000 đồng. Tháng 6/2021, hai bên tổng kết gốc lãi thì ông V nợ Công ty 5.547.326.000 đồng, ông V trả được 950.000.000 đồng nên còn lại 4.597.326.000 đồng và tiền lãi từ tháng 6/2021 đến tháng 6/2022 là 689.598.000 đồng (4.597.326.000 đồng x 1,5%/tháng), tổng cộng là 5.286.924.000 đồng. Đến tháng 7/2022, ông V trả được 700.000.000 đồng, còn nợ Công ty số tiền gốc lãi là 4.586.924.000 đồng.

Công ty TNHH H yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc ông Châu Minh V trả số tiền nợ gốc lãi là 4.586.924.000 đồng.

Tại phiên toà sơ thẩm, nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện thành buộc bị đơn trả số tiền mua hàng còn nợ là 1.125.303.000 đồng và tiền lãi chậm thanh toán với lãi suất 10%/năm từ ngày 03/8/2015 đến ngày xét xử sơ thẩm, tính trên dư nợ giảm dần.

- Theo trình bày của bị đơn tại các văn bản ngày 15/5/2023, ngày 28/7/2023:

Ông Châu Minh V có mua vật tư nông nghiệp của Công ty TNHH H. Đến năm 2020, Công ty này tự xác định ông V còn nợ số tiền là 2.825.269.000 đồng. Sau đó, ông V đã trả được tổng cộng 1.700.000.000 đồng, gồm ngày 17/6/2021 trả 950.000.000 đồng, ngày 13/9/2021 trả 50.000.000 đồng, ngày 14/7/2022 trả 700.000.000 đồng nên còn nợ lại 1.125.269.000 đồng.

Tại phiên toà sơ thẩm, bị đơn đồng ý trả số tiền gốc còn nợ là 1.125.303.000 đồng, nhưng đề nghị được trả dần mỗi năm ít nhất là 100.000.000 đồng. Bị đơn không đồng ý trả lãi vì cho rằng trong thời gian mua bán, khi thanh toán tiền ở mỗi vụ lúa thì nguyên đơn đã tính lãi và hai bên không có thỏa thuận trả lãi với lãi suất 1,5%/tháng đối với số tiền công nợ như nguyên đơn trình bày.

- Tại bản án số 02/2023/KDTM-ST ngày 22/9/2023 (đã được sửa chữa, bổ sung ngày 09/10/2023), Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng đã quyết định (tóm tắt):

“Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 244, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 55, Điều 306 của Luật Thương mại; Điều 357, Điều 440, Điều 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016

của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH H.

Buộc bị đơn Châu Minh V có trách nhiệm trả cho nguyên đơn Công ty TNHH H số tiền 3.025.463.180 đồng. Trong đó, tiền mua hàng là 1.125.303.000 đồng, tiền lãi chậm thanh toán 1.900.160.180 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Án phí sơ thẩm:

- Bị đơn Châu Minh V phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 92.509.264 đồng.

- Nguyên đơn không phải chịu án phí. Trả lại cho nguyên đơn Công ty TNHH H số tiền tạm ứng án phí đã nộp 56.293.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu số 0006496 ngày 06-4-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.”

Ngoài ra, án sơ thẩm còn thông báo quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

- Vào ngày 05/10/2023, bị đơn kháng cáo một phần bản án nêu trên, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu tính lãi của nguyên đơn, vì cho rằng bị đơn không vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 03/8/2015 đến đầu tháng 4/2023 và nguyên đơn cũng không khởi kiện bổ sung để yêu cầu tính lãi đến ngày xét xử sơ thẩm.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

+ Nguyên đơn không rút lại đơn khởi kiện; bị đơn vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo; các bên không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

+ Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về tính có căn cứ và hợp pháp của kháng cáo, về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn và áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự để sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Người kháng cáo, nội dung và hình thức đơn kháng cáo, thời hạn kháng cáo của ông Châu Minh V phù hợp với quy định tại Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Ông Nguyễn Quang V1 vắng mặt nhưng đã có lời khai trực tiếp với Tòa án nên Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án theo quy định tại khoản 2 Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thừa nhận của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, căn cứ khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 95 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định các tình tiết sau đây là sự thật:

[3.1] Ông Châu Minh V có nợ Công ty TNHH H (do ông Nguyễn Quang V1 làm chủ sở hữu, đã giải thể ngày 25/11/2021) số tiền mua vật tư nông nghiệp từ năm 2007 đến ngày 02/8/2015 là 2.825.303.000 đồng. Ông V đã trả 14 lần với tổng số tiền 1.700.000.000 đồng, còn nợ lại 1.125.303.000 đồng; cụ thể như sau:

- Ngày 22/3/2020, trả 100.000.000 đồng;
- Ngày 27/3/2020, trả 100.000.000 đồng;
- Ngày 10/4/2020, trả 100.000.000 đồng;
- Ngày 17/4/2020, trả 50.000.000 đồng;
- Ngày 05/5/2020, trả 50.000.000 đồng;
- Ngày 17/5/2020, trả 50.000.000 đồng;
- Ngày 22/7/2020, trả 140.000.000 đồng;
- Ngày 11/8/2020, trả 50.000.000 đồng;
- Ngày 22/11/2020, trả 60.000.000 đồng;
- Ngày 27/4/2021, trả 100.000.000 đồng;
- Ngày 04/5/2021, trả 50.000.000 đồng;
- Ngày 17/6/2021, trả 100.000.000 đồng;
- Ngày 13/9/2021, trả 50.000.000 đồng;
- Ngày 14/7/2022, trả 700.000.000 đồng.

[3.2] Vào ngày 20/11/2021, khoản nợ trên được Công ty TNHH H bàn giao lại cho Công ty TNHH H (mã số doanh nghiệp B, thành lập ngày 17/11/2021, do ông Nguyễn Quang D làm chủ sở hữu).

[4] Do ông V có nợ Công ty TNHH H số tiền mua vật tư nông nghiệp tính đến ngày 02/8/2015 là 2.825.303.000 đồng và khoản nợ này được Công ty TNHH H chuyển giao lại cho Công ty TNHH H theo Biên bản bàn giao ngày 20/11/2021; đồng thời từ ngày 22/3/2020 đến ngày 14/7/2022, ông V đã trả được 1.700.000.000 đồng nên Tòa án cấp sơ thẩm xử buộc ông V trả số tiền

1.125.303.000 đồng còn nợ cho Công ty TNHH H là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 365 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[5] Xét kháng cáo không đồng ý trả số tiền 1.900.160.180 đồng lãi từ ngày 03/8/2015 đến ngày 21/9/2023 của ông Châu Minh V:

[5.1] Theo sổ theo dõi do ông V cung cấp thể hiện ông V đã mua vật tư nông nghiệp của Công ty TNHH H từ ngày 30/9/2007 đến ngày 02/8/2015; kết thúc mỗi vụ lúa, hai bên đối chiếu, xác định số lượng, giá trị vật tư nông nghiệp theo từng đơn hàng (toa), tiền lãi của số tiền mua hàng chậm thanh toán trong vụ, số tiền ông V đã thanh toán và còn nợ lại. Số tiền đã thanh toán trong thời gian này được hai bên trừ vào tổng số tiền hàng và tiền lãi mà ông V còn nợ. Quá trình giải quyết vụ án, tuy các bên xác định số tiền 2.825.303.000 đồng được chốt vào ngày 02/8/2015 là nợ gốc nhưng thực chất gồm tiền mua hàng và cả tiền lãi. Tình tiết này cũng được phía nguyên đơn thừa nhận tại phiên toà phúc thẩm nên án sơ thẩm nhận định bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền hàng đối với toàn bộ khoản nợ này là chưa phù hợp với quy định tại Điều 306 của Luật Thương mại.

[5.2] Theo đơn khởi kiện của Công ty TNHH H và ý kiến của ông Nguyễn Quang V1 tại biên bản lấy lời khai ngày 24/01/2024 thì hai bên có thỏa thuận ông V phải trả lãi đối với số tiền 2.825.303.000 đồng còn nợ nhưng không được ông V thừa nhận và Công ty TNHH H, ông V1 không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào chứng minh thỏa thuận này là có thật. Hơn nữa, theo sổ theo dõi ông V cung cấp thể hiện từ ngày 30/9/2007 đến ngày 02/8/2015, giữa hai bên đã giao dịch qua 18 vụ lúa (trong đó vụ 3 năm 2012-2013 không phát sinh nợ chuyển sang vụ sau) thì tiền lãi chậm thanh toán được tính theo giá trị của từng đơn hàng (toa) và chỉ trong thời gian chậm thanh toán của mỗi vụ lúa.

[5.3] Xét quá trình thanh toán nợ thì thấy số tiền 1.700.000.000 đồng được ông V trả thông qua 14 lần, trong đó 13 lần đầu trả cho Công ty TNHH H, lần cuối trả cho Công ty TNHH H. Thời gian từ lúc hai bên chốt nợ vào ngày 02/8/2015 cho đến khi ông V trả số tiền sau cùng vào ngày 14/7/2022 là gần 08 năm nhưng Công ty TNHH H và Công ty TNHH H vẫn nhận tiền của ông V mà không phản đối hoặc có ý kiến gì về số lượng, phương thức trả tiền và cũng không có yêu cầu gì về tiền lãi nên đủ cơ sở xác định hai bên có thỏa thuận ông V được trả dần số tiền 2.825.303.000 đồng còn nợ. Vì vậy, tính đến ngày 14/7/2022 thì ông V chưa vi phạm về nghĩa vụ trả nợ nên án sơ thẩm buộc ông V trả lãi do chậm thanh toán từ ngày 03/8/2015 đến ngày này là không phù hợp.

[5.4] Tại đơn kháng cáo ngày 05/10/2023 và ý kiến tại văn bản ngày 15/12/2023, bị đơn cho rằng vào đầu tháng 4/2023 có trả số tiền 300.000.000 đồng nhưng nguyên đơn không đồng ý nhận nên chỉ đồng ý trả lãi với lãi suất 0,83%/tháng kể từ thời gian này, tuy nhiên bị đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào chứng minh. Đồng thời, do từ ngày 14/7/2022 đến nay bị đơn không tiếp tục trả nợ và hai bên không có thỏa thuận nào về thời hạn thực hiện nghĩa vụ này nên cần buộc bị đơn trả lãi đối với số tiền 1.125.303.000 đồng còn nợ kể từ

ngày 15/7/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 21/9/2023); đồng thời, do mức lãi suất 0,83%/tháng mà bị đơn đồng ý trả phù hợp với lãi suất nguyên đơn yêu cầu nên số tiền lãi bị đơn phải trả là 133.160.855 đồng (1.125.303.000 đồng x 01 năm 02 tháng 06 ngày x 0,83%/tháng). Do đó, kháng cáo của bị đơn chỉ có cơ sở chấp nhận một phần. Số tiền lãi nguyên đơn yêu cầu không được chấp nhận là 1.766.999.325 đồng (1.900.160.180 đồng - 133.160.855 đồng).

[6] Ngoài ra, án sơ thẩm xác định tranh chấp phát sinh từ hoạt động thương mại, nhưng lại quyết định về tiền lãi chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự là chưa chính xác. Cấp phúc thẩm điều chỉnh lại cho phù hợp với quy định của Điều 306 Luật Thương mại.

[7] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn và sửa một phần án sơ thẩm theo hướng chấp nhận một phần yêu cầu tính lãi của nguyên đơn, buộc bị đơn có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền lãi chậm thanh toán là 133.160.855 đồng. Do tình tiết mới phát sinh nên Tòa án cấp sơ thẩm không có lỗi trong việc sửa án.

[8] Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự để sửa án sơ thẩm là có căn cứ nên được chấp nhận.

[9] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ thời điểm hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[10] Do án sơ thẩm bị sửa nên án phí được xác định theo quy định tại khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án như sau:

[10.1] Án phí kinh doanh thương mại: Nguyên đơn phải chịu là 36.000.000 đồng + 3% (1.766.999.325 đồng - 800.000.000 đồng) = 65.009.980 đồng; bị đơn phải chịu là 36.000.000 đồng + 3% (1.125.303.000 đồng + 133.160.855 đồng - 800.000.000 đồng) = 49.753.916 đồng.

[10.2] Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Bị đơn không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 148, khoản 2 Điều 308 và khoản 6 Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Châu Minh V.

2. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 02/2023/KDTM-ST ngày 22/9/2023 của Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng như sau:

2.1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH H:

Buộc ông Châu Minh V có trách nhiệm trả cho Công ty TNHH H số tiền còn nợ là 1.258.463.855 đồng, gồm 1.125.303.000 đồng tiền mua hàng và 133.160.855 đồng tiền lãi chậm thanh toán.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường theo quy định tại Điều 306 của Luật Thương mại tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2.2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH H về việc buộc ông Châu Minh V trả số tiền lãi chậm thanh toán là 1.766.999.325 đồng.

3. Về án phí:

Công ty TNHH H phải chịu 65.009.980 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 56.293.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0006496 ngày 06/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm. Công ty TNHH H còn phải nộp thêm 8.716.980 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Ông Châu Minh V phải chịu 49.753.916 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Ông Châu Minh V không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm, trả lại cho ông Châu Minh V số tiền 2.000.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 00011020 ngày 09/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND thị xã Ngã Năm;
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm;
- Lưu HSVA, Tòa DS, Phòng TCCB, Phòng KTNV&THA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Vĩnh Khương